Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,714.32	255.24
+- %	-0.64%	-0.58%
KLGD (CP)	678,512,401	50,548,914
GTGD (tỷ đồng)	13,826.48	620.20
+- % GTGD	-26.5%	-45.4%

Độ rộng thị trường (HOSE)

131	tăng	102	không đổi	199	giảm

Thống kê toàn thị trường

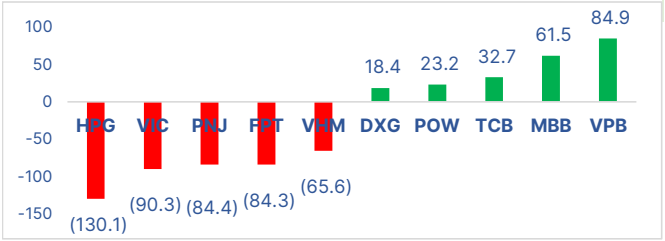
Ngày	MA 20 tăng	MA 60 tăng	MA 120 tăng	Mã MA 200 tăng	
9/11/26	20.9%	17.4%	16.6%	206	19.2%
6/11/26	20.3%	18.1%	16.6%	211	19.7%

Top Giá trị giao dịch (tỷ đồng)

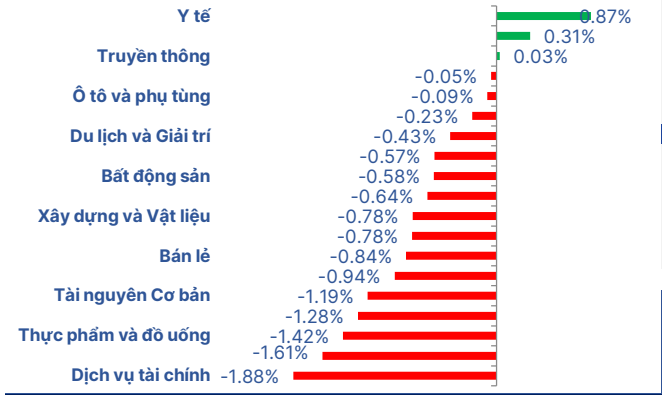
VIX -2.6%	HPG -1.4%	VHM -2.7%
548.6	479.6	417.1
SSI -2.5%	VPB 0.9%	VIC 0.0%
416.0	395.7	380.5

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

GT Bán : -1961.2 GT ròng: -806.4 GT Mua: 1154.8



Biến động nhóm ngành



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau 02 tuần liên tiếp giảm điểm, thị trường tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh trong phiên hôm nay. VN-Index giảm điểm từ đầu phiên về vùng giá 1.700 điểm với thanh khoản ở mức thấp. Thị trường sau đó phục hồi nhẹ trong phiên chiều, thanh khoản cải thiện. Kết phiên VN-Index giảm 11,04 điểm (-0,64%) về mức 1.714,32 điểm, trên hỗ trợ 1.700 điểm. VN30 giảm 16,26 điểm (-0,88%) về mức 1.830,13 điểm, dưới kháng cự 1.860 điểm.

Độ rộng trên HOSE tiêu cực, với áp lực bán mở rộng khi các chỉ số không giữ được vùng hỗ trợ ngắn hạn. Ngoại trừ nhóm Y tế và công nghệ thông tin phục hồi. Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm. Chịu áp lực giảm mạnh là nhóm chứng khoán sau giai đoạn phục hồi, năng lượng -dầu khí, bán lẻ, phân bón, bất động sản... Thanh khoản thị trường giảm, khối lượng giao dịch khớp lệnh trên HOSE giảm mạnh -36,6% so với phiên trước. Lực cầu ngắn hạn suy yếu, áp lực cung gia tăng trở lại. Khối ngoại gia tăng bán ròng -806,4 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 41I1GB000 kết phiên ở mức 1.828,0 điểm, giảm -1,07% so với phiên trước. Chênh lệch chuyển sang âm -2,13 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 41I1GC000, 41I1GH3000, 41I1H6000 chênh lệch âm mở rộng từ -4,73 điểm đến -11,33 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch kỳ hạn 41I1GB000 giảm -7,4% so với phiên trước. Các trade giảm vị thế giao dịch trong phiên. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro khi VN30 suy yếu. Xu hướng ngắn hạn 41I1GB000 suy giảm, kháng cự gần nhất 1.850 điểm, hỗ trợ gần nhất 1.800 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 41I1GB000 là 34.589, tăng vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-Index tích lũy trong biên độ hẹp, giao dịch dưới các đường giá trung bình ngắn trung hạn. Vùng hỗ quan trọng quanh 1.700 điểm, tương ứng đường xu hướng nối các vùng giá thấp nhất các tháng 03, 07 và tháng 10/2026. Hiện tại chưa có dự báo VN-Index giảm điểm dưới vùng giá 1.700 điểm. Tuy nhiên VN-Index chỉ tích cực khi vượt lên xu hướng giảm giá từ tháng 9 đến nay. Điều này phụ thuộc lớn từ nhóm ngân hàng và VinGroup.

Sau giai đoạn giảm giá, phục hồi. Thị trường đang cân bằng tích lũy trở lại. Tuy nhiên chất lượng thị trường vẫn ở mức yếu. Hầu hết các nhóm ngành vẫn có xu hướng trung dài hạn trong giai đoạn suy giảm, tích lũy kéo dài. Không có nhiều cơ hội đầu tư vượt trội ở thời điểm hiện tại. Nhà đầu tư cân bằng danh mục, gia tăng tỉ trọng xem xét khi VN-Index vượt lên xu hướng giảm giá ngắn hạn kéo dài từ tháng 9/2026 đến nay.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
BSR	25.95	28.0	31-32	27.2	4.6	68.8%	888.2%	Theo dõi GD	86	37
TPB	12.55	12.5	15-15.5	12.0	4.7	53.4%	57.4%	Theo dõi GD	77	38
POS	13.20	15.0	20-21	14.0	4.3	102.6%	142.8%	Theo dõi GD	78	40
DXP	14.80	14.5	17.5-18	13.5	4.0	128.5%	98.4%	Theo dõi GD	82	66
CTG	31.65	31.2	35-35.5	30.0	5.8	39.0%	28.2%	Theo dõi GD	91	47

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

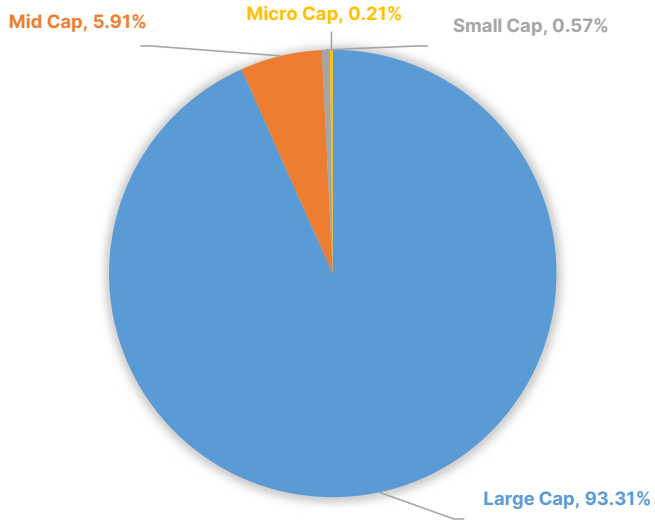
Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Tich Luy	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Tang Truong	Tich Luy	Suy Giam
Ngắn trung hạn	Tich Luy	Suy Giam	Suy Giam	Tich Luy	Suy Giam	Suy Giam	Tang Truong	Tich Luy
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Am_Tang	Tich Luy	Am_Tang	Am_Tang	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-27.3	219.7	262.6	-152.3	268.1	265.4	5.6	201.9
Tương quan-VNINDEX	Yếu hơn-Mạnh hơn	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	Không đổi-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VPI	DXP	DRI	ORS	TTN	PTX	PTG	LHG
	VIC	GMD	DPR	CTS	FOX	PVP	MNB	SIP

Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng-VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón-Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam
Ngắn trung hạn	Suy Giam	Suy Giam	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Suy Giam	Tich Luy	Dieu Chinh
Dòng tiền trung hạn	Tich Luy	Duong_Giam	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Am_Tang	Tich Luy	Tich Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	267.4	240.8	-125.7	195.7	122.5	212.2	259.1	84.3
Tương quan-VNINDEX	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	PGI	PET	TVN	ANV	VLB	MSB	BFC	VJC
	PRE	FRT	NKG	FMC	DHA	OCB	CSV	SGN

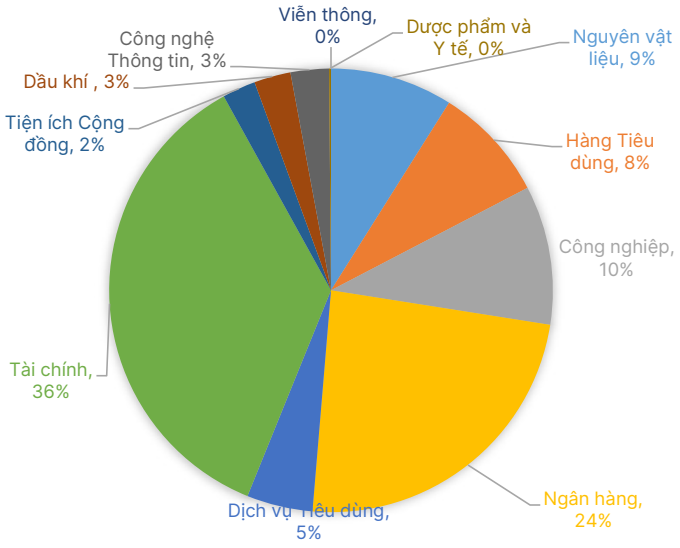
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Tang Truong	Tang Truong	Suy Giam	Tang Truong	26
Ngắn trung hạn	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Suy Giam	Tich Luy	Suy Giam	4
Dòng tiền trung hạn	Tich Luy	Tich Luy	Duong_Giam	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	201.2	215.8	281.4	143.8	188.9	287.4	212.8	0
Tương quan-VNINDEX	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	31	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	
Cổ phiếu TOP	NT2	NAF	PPP					
	SJD	ANV	DHN					

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	Vốn Hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,819,456	26.1%	5,557	42.2	9.4
VHM	496,175	37.6%	12,039	5.0	1.7
VCB	447,864	17.3%	4,986	10.8	1.8
BID	249,292	18.1%	4,524	7.1	1.3
CTG	245,824	21.9%	5,479	5.8	1.2

Top Khối lượng giao dịch

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	52,899,993	18.6%	2,926	3.7	0.6
VIX	42,014,600	6.2%	811	16.0	1.0
DXG	37,302,800	0.8%	92	119.5	1.0
SSI	25,830,500	11.8%	1,555	12.8	1.5
NVL	25,703,800	13.1%	2,559	4.1	0.6

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMA	7.0%	6.7%	788	12.4	0.8
HAS	7.0%	-3.1%	(488)	(16.0)	0.5
CLW	6.9%	23.7%	4,814	10.6	2.5
PIT	6.9%	-24.6%	(1,750)	(5.0)	1.4
TSA	6.7%	6.5%	705	14.2	0.9

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMV	-7.0%	7.0%	1,052	7.5	0.5
BTT	-6.9%	31.7%	10,947	3.9	1.2
HU1	-6.9%	0.4%	66	69.4	0.4
COM	-6.9%	11.3%	3,438	8.8	1.0
HHP	-6.9%	5.4%	579	26.9	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	4,071,286	16.5%	3,118	7.1	1.2
MBB	3,200,175	21.2%	3,508	5.5	1.2
POW	1,860,255	17.9%	2,353	5.3	0.9
DXG	1,689,130	0.8%	92	119.5	1.0
TCB	1,512,520	15.2%	2,694	8.0	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	(6,194,981)	19.7%	3,251	6.4	1.2
PNJ	(5,787,058)	12.4%	3,302	4.3	0.6
SSI	(2,611,741)	11.8%	1,555	12.8	1.5
VND	(1,864,200)	9.8%	1,379	10.5	1.0
OCB	(1,820,300)	12.8%	1,487	7.2	0.9

TIN NỔI BẬT

Chính phủ yêu cầu NHNN xử lý nghiêm các tổ chức tín dụng có hành vi cạnh tranh lãi suất không lành mạnh

Tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2026, Chính phủ yêu cầu NHNN điều hành nhịp nhàng, chủ động chính sách tiền tệ để ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức tín dụng triển khai hiệu quả các giải pháp giảm mặt bằng lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về lãi suất; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các tổ chức tín dụng vi phạm pháp luật, không chấp hành chỉ đạo giảm lãi suất cho vay, có hành vi cạnh tranh lãi suất không lành mạnh.

Tuần 02-06/11: NHNN rút ròng hơn 4.000 tỷ

Trong tuần đầu của tháng 11 (02-06/11), NHNN bơm mới 61.579 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn từ 7-91 ngày và lãi suất 4,5%/năm. Khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá đạt 65.592 tỷ đồng. Qua đó, nhà điều hành rút ròng 4.013 tỷ đồng, kéo lượng OMO lưu hành trong hệ thống còn khoảng 35.000 tỷ đồng. Cập nhật đến ngày 04/11, lãi suất kỳ hạn qua đêm tăng lên 5,02%/năm; kỳ hạn 1 tuần là 5,79%/năm; kỳ hạn 2 tuần là 5,03%/năm; kỳ hạn 1 tháng là 4,46%/năm; kỳ hạn 3 tháng là 6,84%/năm; kỳ hạn 6 tháng là 7,2%/năm.

Bộ Xây dựng phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổng thể tình hình thị trường BĐS trong tháng 11

Theo nội dung Nghị quyết số 353/NQ-CP ngày 06/11 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2026. Chính phủ yêu cầu Bộ Xây dựng rà soát cung - cầu nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê của từng địa phương, định kỳ hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản. Chính phủ yêu cầu Bộ Xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11 năm 2026 về tổng thể tình hình thị trường bất động sản, nhất là nguồn cung, thanh khoản, giá cả, giao dịch, tồn kho theo từng phân khúc, địa bàn; nhận diện nguy cơ rủi ro, đề xuất kịch bản, phương án xử lý, không để tác động dây chuyền đến hệ thống tài chính, ngân hàng.

Giao tăng trưởng 2 con số cho 30 tỉnh thành, Hải Phòng cao nhất

Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 đã được Quốc hội thông qua vào sáng 7/11. Nghị quyết đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Trong đó, Quốc hội đã giao chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể cho từng lĩnh vực và từng địa phương. Trong tổng số 34 địa phương, có 30 tỉnh, thành phố được giao chỉ tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên. Trong đó, thành phố Hải Phòng được giao mức tăng trưởng cao nhất 13%; Hà Nội và TPHCM có mức tăng lần lượt là 11,1% và 10,4%.

Nợ lãi trái phiếu doanh nghiệp lập đỉnh 22 tháng dù số mã chậm trả giảm gần 13%

Theo tổng hợp từ thông tin công bố trên Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), đến ngày 31/10/2026, số dư lãi chậm trả của các trái phiếu doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam đạt 21.246 tỷ đồng, cao nhất trong 22 tháng kể từ tháng 1/2025. So với tháng 1/2025, khoản nợ này tăng 6.359 tỷ đồng, tương đương 42,7%, trong khi số mã trái phiếu chậm thanh toán gốc hoặc lãi giảm từ 359 xuống 313 mã (-12,8%). Cuối tháng 10, các nghĩa vụ chậm thanh toán liên quan đến 107 tổ chức phát hành. Bất động sản chiếm 45% nợ lãi, dịch vụ tiêu dùng tăng gần 5.000 tỷ đồng nợ quá hạn trong tháng 10

Website: www.shs.com.vn
Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích
Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường
Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ: Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777. Fax: (84-511)-352 5779.
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Tp.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368.Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn